

Bản án số: **23/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **22/5/2020**

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tuấn**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà **Vũ Thị Lan**

2. Ông **Lữ Quốc Toàn**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Ngô Thị Châu Loan** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Phương Dung** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 22/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **666/2019/TLST-HNGĐ** ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Hoàng Thị Thùy G** - Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Đức L** - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(*Chị G, anh L vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2019 và trong quá giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thùy G trình bày:*

Trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Nguyễn Đức L sống chung và đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đây là lần kết hôn đầu tiên của anh chị.

Sau khi kết hôn, chị và anh L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau mà bỏ mặc nhau.

Nay chị Hoàng Thị Thùy G nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị G trình bày không có

Về nợ chung: Chị G trình bày không có.

Về án phí: Chị G đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức L được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Nguyễn Đức L vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh Nguyễn Đức L đối với yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thùy G.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện các thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện X không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Chị Hoàng Thị Thùy G và anh Nguyễn Đức L kết hôn năm 2016. Trong cuộc sống vợ chồng, chị G, anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G với anh L. Về con chung không có nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Thùy G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị Thùy G theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thùy G và anh Nguyễn Đức L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016 tại UBND xã B, huyện X,

tỉnh Đồng Nai. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Chị G yêu cầu được ly hôn với anh L vì chị G cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, bất đồng quan điểm sống, tính tính không hợp, mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Từ khi không còn sống chung anh chị bỏ mặc cuộc sống của nhau, mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Đức L để làm việc và tiến hành hòa giải nhưng anh Nguyễn Đức L đều vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh L không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 10/01/2020 thể hiện anh Nguyễn Đức L đang cư trú và sinh sống tại A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai và không còn chung sống với chị G. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị G và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Không có nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G xác định không có, anh L vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị Thùy G phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thùy G.

Chị Hoàng Thị Thùy G được ly hôn với anh Nguyễn Đức L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 231 do UBND xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/11/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Không có, không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị Thùy G phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003432 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X được chuyển thành tiền án phí. Chị Hoàng Thị Thùy G đã nộp đủ.

Chị Hoàng Thị Thùy G và anh Nguyễn Đức L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.X;
- CCTHADS H.X;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.X;
- CCTHADS H.X;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tuấn